

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và bà Lý Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/HNGĐ-ST, ngày 22/02/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1980

ĐKHKT: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Tạm trú: Trường THPT Đ, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(Chị L và anh Q đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 26/10/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ dân phố 01, phường A, thành phố T cùng gia đình anh Q. Do công việc là giáo viên dạy tại Trường THPT Đ, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên chị thường xuyên ở tại trường, thỉnh thoảng mới về gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị L xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Đ1, sinh ngày 04/5/2012 (đã chết năm 2021) và Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 30/3/2005, hiện cháu Đ đang ở với chị. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L xác nhận chị và anh Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bố đẻ của anh Q (ông Nguyễn Văn Q1) và niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nhưng anh Q không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh Q không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh không và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 01, phường A, thành phố T. Từ năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị L chuyển hẳn đến Trường THPT Đ, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (là nơi chị L công tác) ở cho đến nay, từ đó chị L và anh Q đã sống ly thân. Gia đình cũng đã khuyên bảo, hòa giải nhưng chị L và anh Q vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Đ1, sinh ngày 04/5/2012 (đã chết năm 2021) và Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 30/3/2005, hiện cháu Đ đang ở với chị L. Chị L và anh Q không có nhà đất ở địa phương, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 30/3/2005 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 30/3/2005 cho chị Trần Thị L trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Đoàn (do chị L không yêu cầu); anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn Q không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q cư trú tại tổ 01, phường A, thành phố T, nguyên đơn là chị Trần Thị L có đăng ký hộ khẩu tại 01, phường A, thành phố T nhưng từ năm 2015 chị L đã tạm trú và sống tại Trường THPT Đ, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; ngày 24/01/2022 chị L gửi đơn khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình đến Tòa án; ngày 22/02/2022, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ bằng biện pháp giao văn bản tố tụng cho bố đẻ và niêm yết tại chính quyền địa phương nhưng vẫn vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Chị L và anh Q đều đã được triệu tập họp lệ, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 26/10/2003. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh Q sống cùng gia đình anh Q tại tổ dân phố 01, phường A, thành phố T. Song, do chị L là giáo viên dạy tại Trường THPT Đ, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên chị L thường ở tại trường, thỉnh thoảng mới về gia đình. Trong quá trình chung sống, chị L và anh Q không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay chị L và anh Q đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Trần Đ1, sinh ngày 04/5/2012 (đã chết năm 2021) và Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 30/3/2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Đ ở với chị L; chị L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ sau khi vợ chồng ly hôn, anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Xét thấy ý kiến của chị L cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung (đối với cháu Đ). Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị L xác nhận chị và anh Nguyễn Văn Q không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí của vụ án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 30/3/2005 cho chị Trần Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị L không yêu cầu); Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000219 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Q không phải nộp án phí của vụ án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường A, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang